

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN LẠC
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST
Ngày 28 - 4 - 2025
(*V/v tranh chấp ly hôn*)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN LẠC, TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đinh Thị Phong.

2. Bà Bùi Thị Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Lạc tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Nhạn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2025 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/4/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2025/QĐST-HNGĐ ngày 18/4/2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Bùi Thị L**, sinh năm 1986; địa chỉ: Xóm P, xã N, huyện T, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh **Bùi Văn Q**, sinh năm 1981; địa chỉ: Xóm P, xã N, huyện T, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt, không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/02/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Bùi Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị L với anh Bùi Văn Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Hòa Bình ngày

01/01/2003. Sau khi kết hôn, chị L và anh Q chung sống với nhau tại xóm P, xã N, huyện T, tỉnh Hòa Bình. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng bình thường. Nhưng đến tháng 10 năm 2024 thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân, do vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh Q hay ghen tuông vô cớ nên hay xảy ra cãi vã và anh Q sử dụng bạo lực với chị mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên cả hai sống ly thân nhau từ tháng 10 năm 2024 cho đến nay. Chị L bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống. Giữa chị L và anh Q không còn có sự quan tâm, chăm sóc đối với nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, nên chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q.

Về con chung: Chị L và anh Q có với nhau hai con chung tên là Bùi Thị Q, sinh ngày 17/11/2003 và Bùi Như Q, sinh ngày 23/7/2006. Hiện nay hai con đã trưởng thành và có cuộc sống riêng nên chị L không đề nghị giải quyết.

Về tài sản chung: Chị L đề nghị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Bùi Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

Về phía bị đơn: Anh Bùi Văn Q vắng mặt tại phiên tòa, trong quá trình giải quyết vụ án, anh Q có bản tự khai không đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Anh Q xác nhận có hai con chung là Bùi Thị Q và Bùi Như Q, hiện nay hai con đều đã trên 18 tuổi. Về tài sản chung hai bên đã tự thỏa thuận, phân chia không đề nghị Tòa án giải quyết; về công nợ chung không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án: Đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và Bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 và 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuy nhiên đối với bị đơn, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập nhiều lần để hòa giải nhưng Bị đơn không chấp hành triệu tập của Tòa án và cũng không đưa ra chứng cứ và thiện chí để vợ chồng quay về đoàn tụ, không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình: Xử cho chị Bùi Thị L được ly hôn anh Bùi Văn Q; Về con chung: Cả hai con chung đều đã trưởng thành nên không đề cập xem xét. Về tài sản chung chị L và anh Q tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, về nợ chung: Không có, nên không xét đến; Về án phí: Chị Bùi Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Kiến nghị: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn giữa nguyên đơn là chị Bùi Thị L với bị đơn là anh Bùi Văn Q; anh Q cư trú tại xóm P, xã N, huyện T, tỉnh Hòa Bình. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho các đương sự về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tổng đạt hợp lệ cho các đương sự. Nhưng tại phiên họp tiếp cận và công khai chứng cứ và hòa giải bị đơn anh Bùi Văn Q không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra chứng cứ chứng minh cho nguyện vọng của mình, Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần anh Q đã nhận văn bản nhưng không đến làm việc. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho các đương sự. Nhưng tại phiên tòa lần thứ nhất, do bị đơn vắng mặt, nên Tòa án đã phải hoãn phiên tòa. Tòa án đã triệu tập họp lệ các đương sự đến phiên tòa lần thứ hai. Nhưng tại phiên tòa lần thứ hai, bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Bùi Thị L với anh Bùi Văn Q là hợp pháp, được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Hòa Bình ngày 01/01/2003.

Nguyên nhân ly hôn, theo chị L trình bày do vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Chị L và anh Q đã sống ly thân nhau từ tháng 10 năm 2024 cho đến nay, cả hai đều không quan tâm đến cuộc sống của nhau.

Tòa án đã tiến hành xác minh thực trạng hôn nhân giữa chị L và anh Q tại chính quyền địa phương cho thấy: Sau khi kết hôn, vợ chồng anh Q chị L chung sống với nhau bình thường. Nhưng đến năm 2024 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do anh Q thiếu sự quan tâm, xây dựng gia đình, có sử dụng bạo lực với chị L dẫn đến chị L bỏ về nhà mẹ đẻ để ở và sống ly thân nhau từ đó cho đến nay, không còn có sự quan tâm, chăm sóc đối với nhau dẫn đến hôn nhân ngày càng trầm trọng.

Xét thấy, vợ chồng chị L và anh Q không còn có sự thương yêu, quý trọng, chăm sóc giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chị L khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho

chị được ly hôn anh Q là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị L và anh Q có hai con chung tên là Bùi Thị Q sinh năm 2003 và Bùi Như Q sinh năm 2006, cả hai con chung đều đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết .

[2.3] Về tài sản chung: Chị L và anh Q đều khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Không có, nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Bùi Thị L phải chịu án phí dân sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị L được ly hôn anh Bùi Văn Q
2. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết
3. Về nợ chung: Không có, nên không xem xét giải quyết.
4. Về án phí: Chị Bùi Thị L phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sơ thẩm về việc ly hôn. Được trừ vào số tiền chị Bùi Thị L đã nộp tạm ứng án phí là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tại biên lai thu tiền số 0000744 ngày 25/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Lạc; chị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.
5. Quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Bùi Thị L có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Hoà Bình để xin xét xử phúc thẩm. Anh Bùi Văn Q vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo cùng thời hạn, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Tân Lạc;
- THADS huyện Tân Lạc;
- UBND xã N, huyện T, tỉnh Hòa Bình
(ĐKKH ngày 01/01/2002);
- Các đương sự; Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(*đã ký tên, đóng dấu*)

Hà Thị Yến

